

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2018

(V/v ly hôn và nuôi con chung).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Bích Nga**- Thẩm phán

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Cư** - Cán bộ nghỉ hưu

2. Bà **Vũ Thị Khuôn** - Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Bón** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà **Đinh Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên toà công khai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 632/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn và nuôi con chung, quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 06/3/2018 và quyết định ngừng phiên tòa số 03 ngày 16/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị V**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 3, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Anh Vũ Anh T**, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 3, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện cho anh T : Anh Vũ Văn A (anh trai anh T)

Địa chỉ: Số 3, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Vũ Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố H ngày 05/01/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T được hơn 10

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tìm hiểu không kỹ dẫn đến vợ chồng không bảo ban được nhau, cuộc sống gia đình không hòa thuận hạnh phúc, anh T sức khỏe hạn chế nên không làm công việc gì và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 405.000 đồng, vì con nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng nhưng cuộc sống ngày càng khó khăn, một mình chị đi làm không lo được cho anh T. Chị và con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống 2 năm nay. Được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả và xin ly hôn tại Tòa án. Anh T không muốn ly hôn nhưng không gặp chị bàn bạc hoặc tìm biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng mà có lần anh lên nhà bố mẹ chị lại chửi bới, gây mất trật tự, ảnh hưởng tâm lý, tình cảm của gia đình chị và hàng xóm xung quanh. Anh T đề nghị Tòa án đã cho anh thời gian để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng anh T không làm được và không đến Tòa để trình bày quan điểm, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

* Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 23/11/2011 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị V vào ngày 05/01/2006. Trước khi cưới vợ chồng được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố H. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bản thân anh sức khỏe hạn chế, không làm ra tiền để lo cho gia đình vợ con, hàng tháng anh được trợ cấp xã hội là 405.000 đồng đây là lý do Tòa án làm thủ tục có trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh tại Tòa án nhưng anh thấy không cần thiết và từ chối vì trí tuệ của anh hoàn toàn bình thường để làm việc mong Tòa án chấp nhận. Hơn một năm nay chị V cùng con về gia đình nhà đẻ ở N sinh sống, anh có đến tìm nhưng chị V không chịu về. Anh không muốn ly hôn chị V, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh sẽ có trách nhiệm tìm gặp chị V, để chị V suy nghĩ lại rút đơn về ở chung với anh.

* Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 23/11/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị V, anh không đồng ý cho chị V nuôi con, anh muốn được nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của chị Trần Thị V xác nhận: Bà là mẹ đẻ của

chị Trần Thị V còn anh Vũ Anh T là con rể. Chị V kết hôn với anh T từ năm 2006, sau đó chung sống được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, một mình chị V lo kinh tế gia đình, rất vất vả, nhưng bà ở xa nên chị V giấu vì không muốn làm phiền bà và cố gắng chịu đựng. Đến nay chị V không chấp nhận cuộc sống với anh T được nữa, một mình chị V không thể gánh vác nổi kinh tế gia đình nên đã về gia đình bà sinh sống gần 2 năm nay tại thôn Tr, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương, gia đình bà chỗ ở rộng rãi, bà có sức khỏe đỡ đần mẹ con chị V để chị V đi làm. Từ khi chị V và anh T ly thân, anh T không có biện pháp gì để khắc phục tình cảm vợ chồng mà thỉnh thoảng anh T đến gia đình, họ hàng, hàng xóm gây sự mất trật tự. Bà có gọi điện thoại cho gia đình anh T tại phường C để có biện pháp can thiệp, quản lý anh T.. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án cho chị V được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Tòa tiến hành lấy lời khai của anh Vũ Văn A là anh trai của anh Vũ Anh T được biết: Chị Trần Thị V và anh Vũ Anh T kết hôn từ năm 2006, quá trình vợ chồng V, T chung sống có xảy ra mâu thuẫn, do vậy chị V đã bỏ về gia đình bố mẹ để sinh sống từ năm 2016 đến nay tại huyện N, gia đình đã khuyên nhưng không có kết quả. Bản thân anh T sức khỏe yếu không lao động được nên được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 405.000đồng. Anh chị em trong gia đình phải lo ăn uống, sinh hoạt hàng ngày cho anh T. Hiện nay bố mẹ anh đã già yếu anh thay mặt gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng cho chị V được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Theo cung cấp của địa phương phường C, thành phố H nơi ở của chị V và anh T được biết: Anh Vũ Anh T kết hôn với chị Trần Thị V từ năm 2006. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, chị V đã bỏ về gia đình bố mẹ để ở huyện N sinh sống từ năm 2016 còn anh T vẫn ở với gia đình tại Khu 4, phường C, thành phố H. Anh T là đối tượng được hưởng trợ cấp số tiền là 405.000đ/ tháng, mức độ khuyết tật nặng, hệ số 1,5. Bản thân sức khỏe của anh T yếu do vậy cũng không đi làm gì nên điều kiện kinh tế khó khăn. Nay chị Trần Thị V xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật.

Quá trình giải quyết, anh T có mặt một lần đã ghi bản tự khai, Tòa án đã lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Tại buổi làm việc anh T xin đoàn tụ và xin nuôi con nhưng các lần sau triệu tập anh T không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm xin đoàn tụ, xin nuôi con chung của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị V có mặt giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng, chị xác định là công nhân

giày da có thu nhập 6 đến 7 triệu đồng/1 tháng; Anh T mấy lần không có mặt tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và giai đoạn xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chị V đều chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh T chấp hành không nghiêm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thành phố Hải Dương đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Trần Thị V ly hôn anh Vũ Anh T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Thu H, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng : Tòa án đã giao giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Vũ Anh T, anh T vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/3/2018 và ngày 16/3/2018 Tòa quyết định hoãn phiên tòa và tạm ngừng phiên tòa đến ngày 22/3/2018. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Chị Trần Thị V và anh Vũ Anh T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/01/2006 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị V và anh T chung sống được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, không bảo ban được nhau, anh T bị khuyết tật hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội là 405.000đồng. Kinh tế gia đình khó khăn vì chỉ có thu nhập của một mình chị V. Do không thể tiếp tục lo được cho anh T nên năm 2016 chị V và con đã phải về bên ngoại ở N, anh T ở lại nhà để được người thân giúp đỡ. Thỉnh thoảng anh T có sang thăm mẹ con chị V nhưng không hỏi han, giúp đỡ, động viên gì lại gây nỗi sợ hãi, phiền phức, ầm ĩ cho khu dân cư nơi gia đình chị V sinh sống, chị V không thấy anh T có ý thức đoàn tụ và tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách không thể hòa hợp được. Mặc dù được hai bên gia đình đã tích cực dàn xếp nhưng không có kết quả. Anh T thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý, Tòa án đã làm thủ tục để Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương cử người trợ giúp cho anh T tại Tòa án nhưng đã từ chối nên Tòa đã đưa người thân của anh T tham gia tố tụng. Đại diện gia đình anh T cũng thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh T vì cuộc sống vợ chồng không đảm bảo, hai bên đều phải nhờ gia đình hai bên hỗ trợ và giúp đỡ. Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị V xin ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị V và anh T có một con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 23/11/2011 đang do chị V nuôi dưỡng khi ly hôn quan điểm của chị V nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T cũng xin nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của các bên thì thấy. Hiện nay chị V đi làm công nhân có thu nhập 5 đến 6 triệu đồng/tháng. Anh T không có thu nhập chỉ được trợ cấp xã hội 405.000đ/tháng, mọi chi phí sinh hoạt đều do người thân giúp đỡ nên nguyện vọng anh T xin nuôi con là không đảm bảo được cuộc sống của con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để ổn định cuộc sống cũng như bảo đảm quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Huyền, cháu Huyền là con gái nên chị V là mẹ có điều kiện chăm sóc, dạy dỗ sẽ thuận lợi hơn. Do vậy, không chấp nhận việc anh T xin được nuôi con chung mà cần giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Trần Thị V ly hôn anh Vũ Anh T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Thu H, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002531 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người đại diện của bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người đại diện của bị đơn. có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Dương;
- T.H.A DS TP. Hải Dương;
- UBND Phường C, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bích Nga